

Số: 177 /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày 19 tháng 12 năm 2023

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Ever Tech Plastic Việt Nam số 02/FM-MT ngày 12 tháng 12 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 4153/TTr-CCBVMT ngày 22 tháng 12 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Ever Tech Plastic Việt Nam (địa chỉ tại khu phố Mỹ Hiệp, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm bằng nhựa, nghiên cứu và phát triển, sản xuất khuôn mẫu tại khu phố Mỹ Hiệp, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm bằng nhựa, nghiên cứu và phát triển, sản xuất khuôn mẫu.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu phố Mỹ Hiệp, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.



1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp số 3700442520 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 27 tháng 4 năm 2023; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án số 8758881536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư chứng nhận lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 8 ngày 16 tháng 5 năm 2017.

1.4. Quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết số 431/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

1.5. Mã số thuế: 3700442520.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất sản phẩm bằng nhựa, sản xuất gia công khuôn mẫu.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

1.7.1. Phạm vi: Tổng diện tích đất của nhà máy là 47.140,5 m<sup>2</sup>.

1.7.2. Quy mô:

- Nhà máy có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm B theo tiêu chí phân loại của pháp luật về đầu tư công.

- Nhà máy có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

1.7.3. Công suất:

- Công suất sản xuất: đế giày 20.000.000 đôi/năm; miếng trang trí giày 85.209.000 đôi/năm; khuôn giày 150 bộ/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình sản xuất đế giày và miếng trang trí giày: Hạt nhựa, hạt (bột) màu, dung môi => Trộn => Khuôn ép => Sản phẩm => Kiểm tra, cắt, gọt => Đóng gói.

+ Quy trình công nghệ sản xuất khuôn: Mẫu sản phẩm => Thiết kế => Lập trình CNC => CNC gia công => Khắc điện hoá => Đánh bóng => Tạo hoa văn => Lắp ráp khuôn => Thành phẩm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.



**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Ever Tech Plastic Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty TNHH Ever Tech Plastic Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 29 tháng 12 năm 2023 đến ngày 28 tháng 12 năm 2033).

**Điều 4.** Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm bằng nhựa, nghiên cứu và phát triển, sản xuất khuôn mẫu tại khu phố Mỹ Hiệp, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật. / *h*

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH Ever Tech Plastic Việt Nam;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- UBND thành phố Tân Uyên;
- UBND phường Thái Hòa;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, D.Anh6.



**GIÁM ĐỐC**

Ngô Quang Sự



Handwritten text in the bottom right corner, including a date and possibly a signature or name.

Handwritten text at the bottom left of the page.



## Phụ lục 1

## NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 177/GPMT-STNMT ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

#### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh của khu vực sản xuất, lưu lượng khoảng 35 m<sup>3</sup>/ngày;
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh của khu vực xưởng khuôn, lưu lượng khoảng 35 m<sup>3</sup>/ngày;
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh của khu vực văn phòng chính, lưu lượng khoảng 8 m<sup>3</sup>/ngày;
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh của khu vực văn phòng xưởng, lưu lượng khoảng 6 m<sup>3</sup>/ngày;
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh của khu vực bảo vệ, lưu lượng khoảng 1 m<sup>3</sup>/ngày;
- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà ăn công nhân viên, lưu lượng khoảng 20 m<sup>3</sup>/ngày;
- Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh của khu vực ký túc xá công nhân, lưu lượng khoảng 6 m<sup>3</sup>/ngày;
- Nguồn số 08: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh của khu vực nhà ở chuyên gia, lưu lượng khoảng 6 m<sup>3</sup>/ngày;
- Nguồn số 09: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà ăn chuyên gia, lưu lượng khoảng 3 m<sup>3</sup>/ngày.

#### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:** Suối Bung Cù => Suối Cái => Rạch Bà Kiên => Sông Đồng Nai (đã được Ủy ban nhân dân phường Thái Hòa xác nhận hướng tuyến thoát nước của Công ty TNHH Ever Tech Plastic Việt Nam tại văn bản số 294/UBND-KT ngày 10 tháng 10 2023)

#### 2.2. Vị trí xả nước thải:

- Một điểm tại suối Bung Cù thuộc phường Thái Hòa, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tại tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1.213.623; Y = 609.611 (theo hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trục 105<sup>0</sup>45', múi chiếu 3<sup>0</sup>).
- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.



**2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:** 120 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý => Hồ ga thoát nước thải bê tông cốt thép (BTCT) 1.800x1.000x1.000mm => Công BTCT 1.800x1.000x1.000mm băng đường ĐT 747B => Suối Bung Cù => Suối Cái => Rạch Bà Kiên => Sông Đồng Nai.

- Hình thức xả: bom.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, K<sub>q</sub>= 0,9; K<sub>f</sub>=1,1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /ngày	120	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	pH	-	6 – 9		
3	BOD <sub>5</sub>	mg/l	29,7		
4	COD	mg/l	74,25		
5	TSS	mg/l	49,5		
6	Amoni	mg/l	4,95		
7	Tổng N	mg/l	19,8		
8	Tổng P	mg/l	3,96		
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,95		
10	Coliform	Vi khuẩn /100ml	3.000		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

- Nguồn số 01, 02, 03, 04, 05, 07, 08: nước thải sinh hoạt tại nhà vệ sinh của khu vực sản xuất, nhà vệ sinh của khu vực xưởng khuôn, nhà vệ sinh của khu vực văn phòng chính, nhà vệ sinh của khu vực văn phòng xưởng, nhà vệ sinh của khu vực bảo vệ, nhà vệ sinh của khu vực ký túc xá công nhân, nhà vệ sinh của khu vực nhà ở chuyên gia theo đường ống nhựa PVC D100mm sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại



được thu gom về công trình xử lý nước thải tập trung, công suất 120 m<sup>3</sup>/ngày.

- Nguồn số 06 và nguồn số 09: nước thải từ khu vực nhà ăn công nhân viên, khu vực nhà ăn chuyên gia theo đường ống nhựa PVC D100mm sau khi xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ được thu gom về công trình xử lý nước thải tập trung, công suất 120 m<sup>3</sup>/ngày.

### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải (nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại + nước thải nhà ăn sau bể tách dầu mỡ) => Hồ gom => Bể điều hòa => Bể xử lý sinh học yếm khí (bể Anoxic) => Bể xử lý sinh học hiếu khí (Aerotank) => Bể lắng vi sinh => Bể khử trùng => Bồn lọc áp lực => Bể chứa nước thải sau xử lý => Hồ ga thoát nước thải => Nguồn tiếp nhận (Nhánh suối Bưng Cù => Cống BTCT 1.800x1.000x1.000mm băng đường ĐT 747B => Suối Bưng Cù => Rạch Cầu Bà Kiên => Sông Đồng Nai).

- Công suất thiết kế: 120 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Clorine, Methanol, NaOH.

### **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

Không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Bố trí cán bộ được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành công trình xử lý nước thải, ứng phó sự cố để vận hành, theo dõi, giám sát liên tục quá trình vận hành và có nhật ký vận hành công trình xử lý nước thải ghi nhận các thông tin về lưu lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng, lượng bùn thải để kịp thời nhận biết các sự cố quá tải về lưu lượng.

- Vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong công trình xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc hoạt động ổn định.

- Các máy móc, thiết bị quan trọng được trang bị 01 bộ dự phòng cho công trình xử lý như máy bơm, bơm định lượng... để không làm gián đoạn quá trình xử lý khi một thiết bị hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của công trình xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với công trình xử lý nước thải.

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của công trình xử lý bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong công trình xử lý thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các hạng mục công trình





đơn vị để theo dõi sự ổn định của công trình xử lý, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của công trình xử lý.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành công trình xử lý theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước thải sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của công trình xử lý.

- Báo ngay cho cơ quan nhà nước có chức năng các sự cố để được hỗ trợ và có biện pháp khắc phục kịp thời trong trường hợp quá khả năng ứng phó của đơn vị.

- Quy trình ứng phó sự cố: Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải hoặc công trình xử lý nước thải tập trung gặp sự cố phải dừng hoạt động, nước thải sẽ được bơm về bể điều hòa để lưu giữ tạm thời; giảm công suất sản xuất hoặc dừng sản xuất để hạn chế hoặc không làm phát sinh nước thải. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được bơm từ bể chứa nước thải sau xử lý về công trình xử lý nước thải để tiếp tục xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** Thời gian vận hành thử nghiệm là 01 tháng (bắt đầu sau 10 ngày kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực)

### 2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Công trình xử lý nước thải công suất 120 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

#### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào: Tại bể điều hòa của công trình xử lý nước thải.

- Nước thải đầu ra: Bể chứa nước thải sau xử lý của công trình xử lý nước thải.

#### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu: (Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải)

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (giai đoạn điều chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý nước thải).

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu



nước thải đầu vào và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải).

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.



# THE HISTORY OF THE

... of the ...

... of the ...

... of the ...

... of the ...

... of the ...



## Phụ lục 2

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1371/GPMT-STNMT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực máy trộn liệu tại xưởng pha màu.
- Nguồn số 02: Khu vực máy ép đứng tại xưởng sản xuất.
- Nguồn số 03: Khu vực máy ép nằm tại xưởng sản xuất.
- Nguồn số 04: Khu vực máy cắt tại kho tái chế.
- Nguồn số 05: Khu vực máy đóng đai tại kho đóng gói.
- Nguồn số 06: Khu vực máy CNC tại xưởng khuôn.
- Nguồn số 07: Khu vực máy khoan lớn tại xưởng khuôn.
- Nguồn số 08: Khu vực máy khắc điện hóa tại xưởng khuôn.
- Nguồn số 09: Khu vực máy mài phẳng tại xưởng khuôn.
- Nguồn số 10: Khu vực máy chạm khắc bề mặt tại xưởng khuôn.
- Nguồn số 11: Khu vực máy hợp khuôn tại xưởng khuôn.
- Nguồn số 12: Khu vực máy phát điện dự phòng.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

TT	Nguồn phát sinh	Tọa độ*	
01	Nguồn số 01	X = 1.213.728	Y = 609.547
02	Nguồn số 02	X = 1.213.670	Y = 609.592
03	Nguồn số 03	X = 1.213.673	Y = 609.592
04	Nguồn số 04	X = 1.213.755	Y = 609.634
05	Nguồn số 05	X = 1.213.732	Y = 609.558
06	Nguồn số 06	X = 1.213.723	Y = 609.444
07	Nguồn số 07	X = 1.213.738	Y = 609.467
08	Nguồn số 08	X = 1.213.722	Y = 609.443
09	Nguồn số 09	X = 1.213.725	Y = 609.437
10	Nguồn số 10	X = 1.213.738	Y = 609.453
11	Nguồn số 11	X = 1.213.779	Y = 609.488
12	Nguồn số 12	X = 1.213.706	Y = 609.409

(\*): Hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trục 105<sup>0</sup>45', múi chiếu 3<sup>0</sup>



**3. Tiếng ồn, độ rung:**

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; trồng cây xanh trong khuôn viên cơ sở để hạn chế tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy thổi khí, máy bơm đặt trong nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thường xuyên bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



**Phụ lục 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 177/GPMT-STNMT ngày 29 tháng 12 năm 2023  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Rác y tế (bông băng)	Rắn	NH	13 01 01	40
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	NH	16 01 06	30
3	Bóng đèn led thải	Rắn	NH	16 01 13	30
4	Dầu chạy máy phóng điện	Lỏng	NH	17 02 03	350
5	Dung môi chất tẩy rửa thải	Lỏng	NH	17 08 03	350
6	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	NH	19 06 01	250
7	Mặt sắt, phôi thải có dính dầu nhớt	Rắn	KS	07 03 11	350
8	Mực in	Rắn	KS	08 02 04	20
9	Bùn từ HTXL nước thải	Bùn	KS	12 06 05	67.200
10	Bao bì, nylon lẫn dầu nhớt	Rắn	KS	18 01 01	120
11	Thùng kim loại đựng dầu nhớt thải, dung môi thải	Rắn	KS	18 01 02	500
12	Thùng, bao bì, can đựng bột màu bằng composit	Rắn	KS	18 01 04	250
13	Giẻ lau có lẫn dầu nhớt, mỡ, bột màu	Rắn	KS	18 02 01	1.200
<b>Tổng khối lượng</b>					<b>70.690</b>



6



**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì chứa hạt nhựa	18 01 06	5.600
2	Nhựa phế thải	19 03 04	31.500
3	Giấy carton	18 01 05	3.000
4	Bao bì chứa hạt nhựa bị rách, hư hỏng	18 01 06	1.400
5	Nhựa phế thải (hàng bị lỗi có nhiều màu)	19 03 04	73.500
6	Dầu ăn thải (từ quá trình nấu ăn, phát sinh không ổn định)	19 03 04	100
7	Giấy vụn	18 01 05	1.500
8	Kính vỡ	11 02 03	1.000
9	Pallet	18 01 07	500
10	Mặt sắt (thép)	11 04 03	500
11	Bùn thải từ bể tự hoại	12 06 12	112.000
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>230.600</b>

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:**

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên tại nhà máy, bao gồm: rác hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn, ...), rác thải vô cơ (bao nilon, vỏ lon, thủy tinh, ...), khối lượng khoảng 710 kg/ngày.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải: Trang bị 07 thùng 120 lít, 01 thùng 20 lít, 06 thùng 100 lít bằng nhựa HDPE.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa chất thải: 5,8 m<sup>2</sup>.



- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm, gờ chống tràn, hố thu và rãnh thu gom. Kho lưu trữ có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã chất thải nguy hại, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa chất thải nguy hại được dán nhãn mã chất thải nguy hại. Cửa ra vào được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, có thùng chứa cát, xẻng xúc và bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy để phòng ngừa, ứng phó các sự cố có thể xảy ra tại kho lưu chứa.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

## **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 04 thùng 120 lít bằng nhựa HDPE

2.2.2. Kho/ khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích kho chứa: 10 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Có nền bê tông chống thấm, khu vực cao ráo, không đọng nước mưa; phân riêng từng khu vực lưu chứa các loại chất thải và có dán nhãn phân biệt cho từng khu vực lưu chứa.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

## **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa chất thải: Trang bị 14 thùng 9 lít, 09 thùng 60 lít, 3 thùng 120 lít bằng nhựa HDPE bố trí tại các văn phòng, nhà xưởng để thu gom rác thải sinh hoạt, cuối ngày được công nhân chuyển đến khu vực tập kết chất thải sinh hoạt để đơn vị thu gom vận chuyển đi xử lý.

2.3.2. Vị trí tập kết:

- Diện tích khu tập kết: 30 m<sup>2</sup>.

- Cấu tạo: Có nền bê tông chống thấm, khu vực cao ráo, không đọng nước mưa.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự





cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân phường Thái Hòa và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thành phố Tân Uyên theo quy định tại khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân phường Thái Hòa về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân phường Thái Hòa nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thành phố Tân Uyên để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường.



## Phụ lục 4

**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 177/GPMT-STNMT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)**

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết số 431/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
2. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương
3. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của cơ sở.
4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường hiệu quả trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.
5. Luôn thực hiện các biện pháp không chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường theo đúng quy định, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom và xử lý các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
6. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
7. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi



trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

8. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật; hợp đồng đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.

9. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

6